

Số: /KH- MN

Xuân Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2025.

KẾ HOẠCH

Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, năm học 2025 - 2026

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT Thông tư ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Hướng dẫn số 676/SGD&ĐT-GDMN ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 152/KH-MN ngày 29/8/2025 của trường MN số 1 Xuân Hoà V/v kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ điều kiện của địa phương, nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ, trường Mầm non số 1 Xuân Hòa xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, năm học 2025 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung

Xuân Hòa là xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Lào Cai, được sát nhập từ xã Tân Dương và xã Xuân Hoà. Có tổng diện tích tự nhiên là 107,78 km, dân số 12.960 người, phía Đông giáp xã Nà Khương tỉnh Hà Giang; phía Bắc giáp xã Nghĩa Đô; phía Nam giáp xã Bảo Yên tỉnh Lào Cai.

Tổng số CB, GV, NV là 28 người (trong đó: CBQL: 03 người; Giáo viên 24 người; nhân viên: 01 người).

Năm học 2025 - 2026 tổng số toàn trường có 12 nhóm, lớp/ 274 trẻ (trong đó: 1 tuổi: 4 trẻ, 2 tuổi: 50 trẻ, 3 tuổi: 63 trẻ, 4 tuổi: 79 trẻ, 5 tuổi: 78 trẻ).

Cơ sở vật chất, thiết bị: 12/12 phòng học kiên cố; 07 lớp có thiết bị tối thiểu đảm bảo theo quy định.

2. Những thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao về chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai; của Đảng uỷ - HĐND – UBND và MTTQ xã Xuân Hòa về công tác giáo dục của địa phương.

Đội ngũ CBQL, giáo viên đảm bảo về chất lượng, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Nhận thức của nhân dân về GDMN ngày một chuyển biến rõ rệt, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường để thực hiện các mục tiêu năm học.

Cơ sở vật chất nhà trường được chỉnh trang tu sửa đảm bảo mọi điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Các chế độ chính sách đối với trẻ mẫu giáo như chế độ hỗ trợ ăn trưa; hỗ trợ chi phí học tập; miễn học phí được Nhà nước quan tâm, góp phần tăng tỷ lệ trẻ ra lớp và học 2 buổi/ngày.

2.2. Khó khăn

Địa bàn nhà trường quản lý trẻ trải rộng 11/11 thôn bản, dân cư sống rải rác không tập trung, địa hình đi lại phức tạp, nhiều trẻ chưa có giấy khai sinh nên việc xác định độ tuổi chưa chính xác, nên ảnh hưởng đến công tác huy động trẻ ra lớp và tỷ lệ chuyên cần của trẻ hàng ngày.

Cơ sở vật chất điểm Trung tâm chưa đảm bảo theo quy định. Diện tích đất điểm trường trung tâm còn thiếu. Một số phòng học diện tích còn chưa đảm bảo.

Đa số là người dân tộc thiểu số, vốn tiếng Việt của trẻ còn hạn chế, một số trẻ nhà trẻ ra lớp còn khóc nhiều nên còn gặp nhiều khó khăn cho giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

Số lượng nhân viên còn thiếu so với quy định (thiếu 02 nhân viên). Nhà trường còn 02 giáo viên chưa chuẩn trình độ đào tạo (trong đó có 01 giáo viên đang học nâng cao trình độ chuyên môn).

II. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC 2025-2026

1. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng

100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường học và thường xuyên theo dõi phòng ngừa một số bệnh lây lan ở trường mẫu giáo.

100% trẻ đến trường, lớp được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới.

100% được can thiệp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, nhẹ cân và thừa cân so với đầu năm là 2 - 3%. Không chế thừa cân béo phì.

4/4 điểm trường tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình “Trồng một cây, nuôi một con”, “Dinh dưỡng của bé”.

2. Chất lượng giáo dục

Nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

Thực hiện có hiệu quả Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" gắn với thực hiện mô hình “Trường xanh”, “Xây dựng trường mầm non

hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”; triển khai có hiệu quả chuyên đề tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS.

100% trẻ 5 tuổi bàn giao chất lượng trường tiểu học. 98% trở lên trẻ đạt yêu cầu về phát triển nhận thức và giao tiếp tiếng Việt tương đối thành thạo.

100% CBQL, giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành chương trình BDTX, thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý, soạn giảng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

1.1. Công tác đảm bảo an toàn trường học

Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại đơn vị (tổ chức tập huấn PCCC cho CBQL, GV, NV trong trường và mời công an xã vào dự và hướng dẫn vào tháng 12/2025). Đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác giám sát, phát hiện cá nhân có biểu hiện gây mất an toàn.

Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn, phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục sửa chữa, thay thế đường điện, hệ thống quạt, sơn sửa đồ chơi ngoài trời các điểm trường... Tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường (Thông tư 45/2021/TT-BGD&ĐT). Triển khai thực hiện chuyên đề “Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành”.

Lồng ghép nội dung giáo dục, phòng chống tai nạn thương tích vào kế hoạch giáo dục; tuyên truyền, phối hợp với gia đình và cộng đồng cùng thực hiện các biện pháp đảm bảo: an toàn giao thông; tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu cho trẻ.

Lồng ghép, tích hợp kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em trong bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề; hướng dẫn giáo viên các kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong công tác chăm sóc trẻ, đề phòng chống, ngăn ngừa các hành vi bạo hành, xâm phạm thân thể trẻ.

1.2. Thực hiện hiệu quả các mô hình, nâng cao chất lượng bữa ăn, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trong nhà trường

Tiếp tục triển khai hiệu quả thực hiện mô hình “Trồng một cây, nuôi một con”; “Dinh dưỡng của bé” phù hợp với nhà trường để tăng cường nguồn thực phẩm sạch, sử dụng rau, quả theo mùa, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ; hạn chế sử dụng các thực phẩm đóng gói, hộp và chế biến sẵn; cho trẻ bổ sung sữa và các sản phẩm từ sữa để tăng cường dinh dưỡng, sức khỏe, thể lực, tầm vóc cho trẻ; huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ tại trường (tổ chức “Ngày hội dinh dưỡng” cho trẻ 2 lần/1 năm học tại 4/4 điểm trường). Đánh giá sự tăng trưởng của trẻ khi sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa định kỳ 1 lần/ kỳ học.

Quản lý chặt chẽ chất lượng, số lượng bữa ăn như cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp; thực hiện nghiêm túc việc tính khẩu phần ăn kịp thời điều chỉnh thực đơn, cân đối dinh dưỡng cho trẻ, đảm bảo đủ định lượng, khẩu phần ăn của trẻ hàng ngày, không để thừa, thiếu suất ăn/ngày; nghiêm cấm việc bớt xén khẩu phần ăn của trẻ dưới mọi hình thức.

Đảm bảo 4/4 bếp ăn đủ điều kiện, thực hiện quy định về ATTP của cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý, giám sát và khuyến khích phụ huynh tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ; thực hiện nghiêm túc thực đơn, công khai khẩu phần ăn, tài chính tại các điểm trường.

100% trẻ em đến trường, lớp được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới. Phối hợp với cán bộ y tế xã, kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm học. Khám đánh giá tỉ lệ các bệnh học đường (thị lực, cong vẹo cột sống...) tỉ lệ thể lực của học sinh, thông báo cho phụ huynh biết tình hình sức khỏe của con em mình để có hướng điều trị sớm; đánh giá sự tăng trưởng của trẻ bằng biểu đồ theo quy định để vận dụng giải pháp can thiệp kịp thời trẻ SDD, như: bổ sung, xây dựng chế độ ăn, biện pháp luyện tập, ...

Thực hiện kiểm thực ba bước tại 4/4 điểm trường theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế. Tổ chức họp phụ huynh để tuyên truyền cho cha mẹ trẻ quan tâm đến các bữa ăn của trẻ tại gia đình và nhà trường, nâng số tiền ăn của trẻ tại trường lên 16.000 đồng/01 ngày tại 4/4 điểm trường.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động vệ sinh trường, lớp học; chú trọng giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ và bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày; Tăng cường dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm bảo đảm hài hòa giữa chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

1.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trong công tác chăm sóc trẻ.

Tổ chức các buổi họp phụ huynh định kỳ để tuyên truyền về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển của trẻ, dấu hiệu nhận biết trẻ suy dinh dưỡng và xử lý suy dinh dưỡng. Tổ chức tập huấn chủ đề về dinh dưỡng, công thức nấu ăn lành mạnh cho trẻ.

Tổ chức “Ngày hội dinh dưỡng” (tuần 2 tháng 11/2025) tạo cơ hội để phụ huynh cùng tham gia, học hỏi kinh nghiệm và trao đổi về dinh dưỡng và cách chăm sóc trẻ. Thông qua ngày hội cung cấp kiến thức sâu hơn cho phụ huynh về cách xây dựng thực đơn cân đối, đảm bảo an thực phẩm tại gia đình trẻ

Chỉ đạo 12/12 lớp lập kênh thông tin liên lạc như Zalo, Facebook để trao đổi thông tin liên lạc thường xuyên giữa giáo viên và phụ huynh về tình hình dinh dưỡng, sức khỏe và thói quen ăn uống của trẻ tại trường cũng như ở nhà; thống nhất với phụ huynh thực đơn tại trường,

2. Công tác giáo dục trẻ

2.1. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích các lớp tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến vận dụng sáng tạo linh hoạt, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương... Đẩy mạnh tích hợp, lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày; chú trọng nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình ở các điểm trường.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người; giáo dục giới tính; An toàn giao thông; tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện áp dụng phương pháp giáo dục Steam phù hợp với nhà trường và điều kiện địa phương.

12/12 lớp xây dựng các loại kế hoạch hoạt động phù hợp với nhận thức trẻ, tổ chức cho trẻ hoạt động đảm bảo theo chương trình giáo dục mầm non, đổi mới phương pháp “*dạy học lấy trẻ làm trung tâm*”, giáo dục theo phương châm “*Học thông qua vui chơi, trải nghiệm*”, gắn kết việc quan sát, theo dõi, đánh giá hàng ngày để điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

Triển khai vận dụng bộ công cụ ELM để phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ mầm non vùng DTTS, đảm bảo bình đẳng giới; hỗ trợ trẻ khuyết tật lứa tuổi mẫu giáo theo chương trình GDMN. Tăng cường tiếng Việt phù hợp độ tuổi, xây dựng môi trường ngôn ngữ trong và ngoài lớp, lồng ghép các hoạt động học, chơi, thơ ca, kể chuyện nhằm rèn phát âm rõ, ngôn ngữ mạch lạc. Tiếp tục thực hiện “*Chương trình tin nhắn cho cha mẹ hỗ trợ con học tại nhà*”; chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng đi học lớp 1 đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông.

12/12 lớp thực hiện tốt công tác tuyên truyền phối hợp với phụ huynh học sinh ủng hộ ngày công lao động, nguyên liệu sẵn có của địa phương: bìa cát tông, sỏi, đá, tre, nứa.... xây dựng môi trường trong và ngoài lớp nhằm phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ.

12/12 lớp thực hiện theo dõi, đánh giá chất lượng trẻ đúng quy định để điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp. Thành lập tổ cốt cán chuyên môn đánh giá 5 lĩnh vực phát triển 3 lần/năm (tháng 10, 12/2025 và tháng 3/2026). Tổ chức hiệu quả hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1, đảm bảo yêu cầu liên thông với Chương trình GDPT.

12/12 lớp tổ chức phong phú các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi; lồng ghép giáo dục dinh dưỡng – vận động phát triển thể chất. Tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng, thái độ về ATGT, kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế từng điểm trường.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; triển khai có hiệu quả chuyên đề tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS; mô hình “Dinh dưỡng cho bé”; chương trình “Tôi yêu Việt Nam”.

Chuẩn bị tốt các điều kiện về nguồn lực, năng lực đội ngũ để đảm bảo thực hiện chương GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.3. Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên

Triển khai bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư quy định; đổi mới nội dung, chuyên đề, hình thức bồi dưỡng chuyên môn phù hợp tình hình thực tế, giúp CBQL, giáo viên nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; tiếp tục tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo, gắn bó tình yêu thương trẻ với trách nhiệm nghề nghiệp.

Tiếp tục đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn, tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, chia sẻ giữa các tổ, nhóm, giáo viên trong cơ sở GDMN và đơn vị khác; xây dựng kế hoạch khảo sát, phân loại GV theo các lĩnh vực (phương pháp, tổ chức, tác phong, xử lý tình huống, hồ sơ...) tại 4/4 điểm trường qua thăm lớp, dự giờ; phân công tổ cốt cán phụ trách, thường xuyên kiểm tra, dự giờ, đánh giá xếp loại hàng tuần, hàng tháng.

Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo đạt chuẩn, nâng chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP. Chỉ đạo tổ khối xây dựng kế hoạch hoạt động tuần, tháng có xác nhận BGH; thống nhất nội dung, phương pháp; cử GV chuyên môn cứng thực hiện hội thảo “Đổi mới PPGD lấy trẻ làm trung tâm” vào tuần 3/11/2025.

Chỉ đạo tổ chuyên môn đề xuất tiết khó, xây dựng tiết mẫu; sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng (thứ 6 tuần 2, 4); SHCMTHNCBH 3 lần/năm luân phiên tại các điểm trường; tổ chức dạy theo cặp để chia sẻ, hỗ trợ CBQL–GV, GV–GV trong bồi dưỡng chuyên môn về kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, ứng dụng CNTT, phương pháp tổ chức hoạt động, quản lý nhóm lớp, cơ sở vật chất theo quy định.

Kiểm tra chuyên đề giáo viên (báo trước, đột xuất), xử lý vi phạm cắt xén chương trình; tổ chức đánh giá, xếp loại chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp và viên chức cuối năm đúng quy định, đảm bảo thực chất, khách quan.

Triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/8/2025 v/v triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai: CB, GV, NV có hiểu biết về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản, sử dụng được các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc; nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, quản lý văn bản điện tử, hệ điều hành tác nghiệp, ứng dụng quản lý dữ liệu, báo cáo, tương tác với người dân; cập nhật kiến thức về AI, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

100% GV được tập huấn, ứng dụng CNTT trong cập nhật số liệu, xây dựng giáo án điện tử, hoàn thiện và lưu hồ sơ; khai thác trò chơi, phần mềm hỗ trợ; tổ trưởng chuyên môn kiểm tra định kỳ. Thành lập tổ CNTT (10 thành viên) viết tin, cập nhật hoạt động lên Facebook trường tối thiểu 1 bài/tháng, sử dụng hiệu quả Zalo, Email... để trao đổi thông tin.

Tổ chức Hội thi “Dinh dưỡng với sức khỏe trẻ thơ” cấp trường nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em cho CBQL, giáo viên và nhân viên mầm non.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại viên chức và người lao động; đánh giá đội ngũ CBQL, giáo viên theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, gắn công tác đánh giá, xếp loại với việc đào tạo, bồi dưỡng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, của đơn vị; căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2026 của nhà trường xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ và các lớp xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ xong trước 03/9/2025.

Tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu, thời gian kế hoạch; điều chỉnh và bổ sung phù hợp; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Phó hiệu trưởng, các tổ khối.

2. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn sát với kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục của nhà trường; duyệt kế hoạch tổ khối theo quy định. Triển khai thực hiện nghiêm túc.

Đề xuất các ý kiến điều chỉnh, bổ sung trong năm. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các tổ khối thực hiện đảm bảo kế hoạch.

3. Đối với giáo viên các lớp

Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục nhóm, lớp xong trước ngày 5/9/2025.

Nâng cao tinh thần, trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 của trường Mầm non số 1 Xuân Hòa.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (b/c);
- PHT, TTCM, GV, NV;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Mười

PHỤ LỤC I
CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THEO THÁNG:

(Kèm theo Kế hoạch số:/KH-MN ngày 29 tháng 8 năm 2025)

Tháng năm	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Kết quả - Nội dung điều chỉnh
Tháng 08/2025	- Tổ chức bồi dưỡng CM hè do nhà trường tổ chức. - Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chỉ đạo xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, kế hoạch giáo dục chủ đề; trang trí môi trường trong và ngoài lớp học. - Xây dựng KHBD thường xuyên triển khai tới CBQL, GV, NV - Xây dựng thực đơn, khảo sát giá cả hàng hóa, hợp đồng thực phẩm với nhà cung ứng.	Tuần 2 Tuần 4 Tuần 4 Tuần 4	
Tháng 09/2025	- Chỉ đạo xây dựng KHBD thường xuyên cá nhân. - Điều tra số liệu phổ cập, Tổng hợp số liệu phổ cập giáo dục, cập nhật phần mềm phổ cập - Xây dựng kế hoạch khảo sát chất lượng giáo viên và học sinh, kế hoạch hoạt động tổ cốt cán, kế hoạch hoạt động của tổ. - Cập nhật số liệu phần mềm cơ sở dữ liệu ngành. - Cân đo và chấm biểu đồ sức khỏe cho trẻ lần 1 ngày 15/9/2025 - Sinh hoạt chuyên môn, đánh giá chất lượng chuyên môn cuối tháng 9 - Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kì lần 1 - Xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng	Tuần 2 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 4 Tuần 4 Tuần 4	
Tháng 10/2025	- Khảo sát chất lượng giáo viên và học sinh đợt 1. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. - BDTX QLMN2, GVMN05 - Chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, bình xét chuyên môn tháng 10. - Kiểm tra theo kế hoạch và dự giờ đột xuất.	Tuần 2 Tuần 2 Tuần 4 Tuần 4 Tuần 4	

	- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học về hồ sơ bán trú	Tuần 4	
Tháng 11/2025	- Tổ chức “Ngày hội dinh dưỡng” của bé tại 04/4 điểm trường - Tổ chức “Hội thảo chuyên môn cấp trường” - Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tại điểm trường Gia Mải, bình xét chuyên môn tháng 11. - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch và dự giờ đột xuất.	Tuần 2 Tuần 3 Tuần 4 Tuần 4	
Tháng 12/2025	- Tổ chức thi “ <i>Dinh dưỡng với sức khỏe trẻ thơ</i> ” cấp trường - Khảo sát chất lượng học sinh đợt 2. - Thực tập PCCC và CNCH tại điểm Gia Mải - Cân đo vào biểu đồ sức khỏe cho trẻ lần 2 ngày 15/12/2025 - Tổng hợp số liệu học kì I báo cáo cấp trên; tổ chức sơ kết học kỳ 1	Tuần 2 Tuần 2 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 4	
Tháng 01/2026	- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tại điểm trường Nhàm, bình xét chuyên môn tháng 1. - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch và dự giờ đột xuất.	Tuần 3 Tuần 4	
Tháng 02/2026	- Sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ, bình xét chuyên môn tháng 2. - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch và dự giờ đột xuất.	Tuần 3 Tuần 3	
Tháng 03/2026	- Kiểm tra hồ sơ và dự giờ một số giáo viên. - BDTX: QLMN 13, GVMN 22 - Khảo sát chất lượng học sinh đợt 3. - Cân đo vào biểu đồ sức khỏe trẻ lần 3 ngày 16/3/2026 - Phối hợp với Trạm y tế khám sức khỏe định kỳ cho trẻ lần 2 - Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tại điểm trường trung tâm, bình xét chuyên môn tháng 3.	Tuần 3 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 4	
Tháng 04/2026	- Kiểm tra công tác bảo quản và sử dụng đồ dùng tại một số lớp	Tuần 3 Tuần 3	

	- Kiểm tra hồ sơ, dự giờ đánh giá giáo viên học kì II - Sinh hoạt chuyên môn, bình xét chuyên môn tháng 4. - Tổ chức “Ngày hội dinh dưỡng” của bé tại 04/4 điểm trường	Tuần 4 Tuần 4	
Tháng 05/2026	- Các lớp tích cực bồi dưỡng chất lượng học sinh chuẩn bị cho thẩm định chất lượng cuối năm. - Khảo sát chất lượng học sinh cuối năm học - Tổng hợp kết quả BDTX trong năm học của CBGV, lập danh sách đề nghị công nhận kết quả. - Đánh giá, xếp loại giáo viên, CBQL theo chuẩn và đánh giá xếp loại công chức cuối năm. - Tổ chức lễ tổng kết năm học và lễ ra trường cho học sinh 5 tuổi. - Bàn giao học sinh, cơ sở vật chất trước khi nghỉ hè	Tuần 4 Tuần 1 Tuần 4 Tuần 3 Tuần 3 Tuần 4	

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
THEO CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2025- 2026
(Kèm theo KH số/KH-MN ngày 29/8/2025 của trường MN số 1 Xuân Hoà)

1. NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG:

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Thực hiện vận động cơ bản Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.	a. Phát triển vận động 1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. 2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu - Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. 3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.

	- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. 2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, khi thời tiết nóng, lạnh. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. 3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần, và khi không có người lớn cho phép. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
--	---	--

Lĩnh vực phát triển nhận thức	- Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.	1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua, <i>cay - nóng</i>) 2. Nhận biết * Một số bộ phận của cơ thể con người - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, <i>trán, cằm, má.</i> * Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian - Màu đỏ, vàng, xanh, <i>đen, trắng.</i> - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, <i>hình tam giác, hình chữ nhật.</i> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. * Một số đồ dùng, đồ chơi - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. * Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. * Một số con vật, hoa quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, củ, quả quen thuộc. - Trẻ biết tên 1 số ngày lễ hội: Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán... * Bản thân, người gần gũi
--------------------------------------	--	---

	- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Hồn nhiên trong giao tiếp. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.	1. Nghe - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe <i>và trả lời</i> các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu?; Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. 2. Làm quen với sách - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh 3. Nói - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?;... Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao? - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.

Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt	1. Phát triển tình cảm * Ý thức về bản thân - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài, <i>giới tính</i> của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. * Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái, cảm xúc : Vui, buồn, tức, giận, <i>sợ hãi</i> 2. Phát triển kỹ năng xã hội * Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi. Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. * Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” ; <i>xin lỗi</i> chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - <i>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.
--	--	--

	- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc ; thích vẽ, xé dán, xếp hình ; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. * <i>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</i> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
--	---	--

2.Lớp 3-4 tuổi:

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một	* Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, <i>ngả người ra sau</i>. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân * Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động - Đi và chạy: + Đi kiễng gót.

	cách vững vàng, đúng tư thế - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. + Đi trong đường hẹp. +Chạy chậm 60-80m - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. *Cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc * Giáo dục dinh dưỡng - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Cay nóng, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). <i>* Làm một số công việc phục vụ trong sinh hoạt</i>
--	--	--

	- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh * <i>Giữ gìn sức khỏe và an toàn</i> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe, không xem tivi và điện thoại trong khi đang ăn uống. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng xung quanh.	* Các bộ phận cơ thể con người - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tên đặc điểm công dụng của một số PTGT quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. + Hiện tượng tự nhiên * <i>Thời tiết và mùa</i> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.

	- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người.	<i>*Ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời</i> - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. <i>Nước</i> - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. <i>*Không khí, ánh sáng</i> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. <i>*Đất đá, sỏi, cát</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, sỏi, cát. <i>Khám phá xã hội</i> <i>*Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</i> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Tên của bố mẹ, các thành viên, họ hàng trong gia đình (Mối quan hệ giữa những thành viên là họ hàng trong gia đình (ông, bà, cô dì, chú, bác bên nội, bên ngoài). Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <i>*Một số nghề trong xã hội</i> - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến <i>*Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</i> - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. * Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán <i>*Tập hợp số lượng và đếm</i> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm
--	---	--

	- Một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. <i>*Xếp tương ứng</i> - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. <i>*So sánh sắp xếp theo quy tắc</i> - So sánh hai đối tượng về kích thước - Xếp xen kẽ. <i>*Hình dạng</i> - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép. - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày	*Nghe Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	*Nói - Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai? Cái gì, ở đâu, khi nào” - Sử dụng các từ biểu thị lễ phép - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại sự việc - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên * Làm quen với đọc viết - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hành động rất đơn giản và quen thuộc - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
--	--	---

Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.	<i>* Ý thức về bản thân</i> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. - Gọi tên ông bà cô, dì, chú bác bên nội, bên ngoại <i>* Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</i> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <i>* Phát triển kỹ năng xã hội</i> - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Lĩnh vực phát thẩm mỹ	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.	<i>* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</i> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần

	- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.	gửi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nhận xét sản phẩm tạo hình * Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình - Hát đúng giai điệu, lời ca, bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. * Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật - Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
--	---	---

3. Lớp 4-5 tuổi:

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế	* Phát triển vận động 1. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 70-100m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.

	- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.	+ Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. 3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gấp giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, <i>đồ theo nét</i>, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. * Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. 1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
--	---	--

	và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	
Lĩnh vực phát triển nhận thức	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.	* Khám phá khoa học. 1. Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. 2. Đồ vật - Đồ dùng, đồ chơi: + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng (<i>Giữ gìn</i>) đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phương tiện giao thông: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. 3. Động vật và thực vật - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 4. Một số hiện tượng tự nhiên - Thời tiết, mùa: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nước:

	- Có một số hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người.	+ Các nguồn nước trong môi trường sống; + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây; + Một số tính chất của nước; + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, ánh sáng: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Đất đá, cát, sỏi: Một vài tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * Khám phá xã hội: 1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ; <i>quy mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). Mỗi quan hệ họ hàng trong gia đình(ông, bà, cô, dì, chú, bác bên nội bên ngoài).</i> Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. <i>Số điện thoại của bố (mẹ)</i> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. * Một số nghề trong xã hội: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến của địa phương <i>và 1 số nghề trong xã hội.</i> * Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa: Đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm:
--	---	---

	- Một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Gộp các nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). 2. Xếp tương ứng: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. 3. So sánh sắp xếp theo quy tắc: So sánh, phát hiện và sắp xếp theo quy tắc. 4. Đo lường: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. 5. Hình dạng: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo yêu cầu và theo ý thích. 6. Định hướng trong không gian và thời gian: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
--	--	--

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày	1. Nghe - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 2. Nói - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. 3. Làm quen với đọc, viết - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái. (10-15 chữ cái) - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội	- Có ý thức về bản thân.	1. Phát triển tình cảm. - Ý thức về bản thân: + Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân.

	- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh: + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. + Kính yêu Bác Hồ. + Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 2. Phát triển kỹ năng xã hội: - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội + <i>Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.</i> + Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. + Chờ đến lượt, hợp tác. + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. + Quan tâm, giúp đỡ bạn. + Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu”. - Quan tâm đến môi trường. + Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) + Tiết kiệm điện, nước. + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Lĩnh vực phát thẩm mỹ	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng

	thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.	trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. 2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. 3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật: - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
--	--	---

--	--	--

4. Lớp 5-6 tuổi:

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ.	<i>*Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - <i>Lưng, bụng, lườn:</i> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.

	- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế - Có khả năng phối hợp các giác quan và	- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. *Tập các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. (0,3m - 0,4m) + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 120m-140m - Bò, trườn, trèo: +Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích đích qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang. - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật- nhảy: + Bật liên tục vào vòng + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15-20cm. + Nhảy lò cò 5m.
--	--	---

	vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. + Bẻ, nắn. + Lắp ráp. + Xé, cắt đường vòng cung. + Tô, đồ theo nét. + Cài, cời cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. * Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn, uống với bệnh tật (cay nóng, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). * Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. * Giữ gìn sức khỏe và an toàn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Không xem tivi và điện thoại khi ăn và khi uống... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
--	---	--

	- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo	a) Khám phá khoa học 1. Các bộ phận trên cơ thể người: Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. 2. Đồ vật: * <i>Đồ dùng, đồ chơi</i> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng, <i>giữ gìn</i> của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. * <i>Phương tiện giao thông</i> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. 3. Động vật và thực vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.

	những cách khác nhau. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 4. Một số hiện tượng tự nhiên: <i>* Thời tiết, mùa</i> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. <i>* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng; <i>* Nước</i> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. <i>* Không khí, ánh sáng</i> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. <i>* Đất, đá, cát, sỏi.</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
--	--	---

	- Một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..) 2. Xếp tương ứng. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. 3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. 4. Đo lường - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. 5. Hình dạng: + Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ, khối tam giác và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. + Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Tạo ra một số hình bằng các cách khác nhau 6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần. * Khám phá xã hội: 1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
--	--	--

	- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn: ông, bà, chú, bác, cô, dì, cậu, mợ bên nội, bên ngoại, số điện thoại của bố, mẹ . Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. 2. Một số nghề trong xã hội - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến của địa phương và 1 số nghề trong xã hội. 3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn. - Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hằng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.
--	---	---

	- Trẻ nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số.	
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày	1. Nghe - Hiểu các từ khái quát, trái nghĩa, - Hiểu và làm theo được, 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. * Nói - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? “có gì giống nhau?; “có gì khác nhau”; “do đâu mà có”. - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?;” như thế nào?; “Làm bằng gì? - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Đóng kịch - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. 3. Làm quen với đọc, viết - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng các chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện

	- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.	<i>a. Ý thức về bản thân.</i> - Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Môi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - <i>Không chơi các trò chơi mang tính bạo lực (Game, bắn súng, đấu kiếm...)</i> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.

	- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Lĩnh vực phát thẩm mỹ	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

	- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. * Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình) - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
	- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt	

	động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.	
--	---	--